

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS - ST
Ngày: 06/5/2022
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH-TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Ninh
2. Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Bích, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 06/12/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 22/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 20/4/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (tên gọi viết tắt: BIDV); địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 H, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức T, chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro Ngân hàng B Chi nhánh Q; địa chỉ Số 189 đường H, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và bản tự khai ngày 17/12/2021, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (tên gọi viết tắt: B); địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng B; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức T, chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro Ngân hàng B Chi nhánh Q làm đơn khởi

kiện, trình bày: Ngày 23/7/2015 ông Lê Đức T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Q vay vốn tại Ngân hàng B Chi nhánh Q theo Hợp đồng tín dụng số: 03/2015/HĐ số tiền vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, lãi suất 11,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc được trả vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 10/8/2015, hạn trả cuối cùng vào ngày 23/7/2020; mục đích vay vốn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng; để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông Lê Đức T đã sử dụng thu nhập của mình thông qua lương chi trả tại Sở V Q theo Giấy đề nghị vay vốn của ông T có xác nhận của Sở V Q; quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Đức T không thực hiện đúng như đã thỏa thuận, cam kết tại hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B Chi nhánh Q, ngày 13/12/2017 anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ gốc tính đến ngày 06/5/2022 là 47.918.340 đồng, trong đó nợ gốc 28.917.000 đồng, nợ lãi 14.283.279 đồng, nợ lãi quá hạn 4.718.061 đồng; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông Lê Đức T thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Lê Đức T trả nợ số tiền vay trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa ông Lê Đức T và Ngân hàng B Chi nhánh Q cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Về nội dung, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 147, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B Chi nhánh Q buộc ông Lê Đức T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B Chi nhánh Q số tiền 47.918.340 đồng, trong đó nợ gốc 28.917.000 đồng, nợ lãi 14.283.279 đồng, nợ lãi quá hạn 4.718.061 đồng hạn tính đến ngày xét xử (06/5/2022); đề nghị tuyên bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng BIDV Chi nhánh Quảng Bình khởi kiện ông Lê Đức T yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn

huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn ông Lê Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án tổng đặt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo Hợp đồng tín dụng số: 03/2015/HĐ ngày 23/7/2015 số tiền vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, lãi suất 11,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc được trả vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 10/8/2015, hạn trả cuối cùng vào ngày 23/7/2020.

Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của phía đại diện nguyên đơn có căn cứ xác định ông Lê Đức T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/12/2017. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để cho ông Lê Đức T và Ngân hàng B thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng ông T không có động thái gì về thực hiện nghĩa vụ của người vay, mặc dù Tòa án đã tổng đặt hợp lệ giấy triệu và các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng bị đơn vắng mặt và không có lý do, chứng tỏ phía bị đơn thiếu thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng B Chi nhánh Q yêu cầu buộc ông Lê Đức T phải thanh toán cả gốc và lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) đến ngày xét xử (06/5/2022) là 47.918.340 đồng, trong đó nợ gốc 28.917.000 đồng, nợ lãi 14.283.279 đồng, nợ lãi quá hạn 4.718.061 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 03/2015/HĐ ngày 23/7/2015 số tiền vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), kỳ hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, lãi suất 11,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trường hợp lãi suất được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ được tính theo mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét thấy rằng, sau khi vay ông Lê Đức T đã trả một phần nợ gốc và lãi cho Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Q; ngày 13/12/2017 ông Lê Đức T không trả cho Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Q là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên, nên Ngân hàng B chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do ông Lê Đức T không thực hiện trả gốc và lãi theo cam kết nên phải chịu tiền lãi và lãi quá hạn. Vì vậy, buộc anh Lê Đức T phải trả cho Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Q số tiền đến ngày xét xử (06/5/2022) lãi trong hạn: 14.283.279 đồng, lãi quá hạn 4.718.061 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ

gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi chậm trả 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Lê Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 117, 118, 119, 292, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Q, buộc ông Lê Đức T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình số **47.918.340** đồng (*Bốn mươi bảy triệu, chín trăm mười tám nghìn, ba trăm bốn mươi đồng*); trong đó nợ gốc 28.917.000 đồng, nợ lãi 14.283.279 đồng, nợ lãi quá hạn 4.718.061 đồng tính đến ngày xét xử 06/5/2022.

Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2022) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi chậm trả 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Ông Lê Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.395.917 đồng (*Hai triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm mười bảy đồng*); Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.084.000 đồng (*Một triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số: 31AA/2021/0003775 ngày 03/12/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/5/2022; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Văn Châu